

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM ĐỔI MỚI CÔNG TÁC ĐÀO TẠO LUẬT TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC TRONG THỜI KỲ KỶ NGUYÊN SỐ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Nguyễn Huy Khoa¹
Email: khoanh@dhcd.edu.vn

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 19/11/2025

Ngày phản biện đánh giá: 03/12/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 15/12/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.1029

Tóm tắt: Trong bối cảnh kỷ nguyên số, sự thay đổi mạnh mẽ của khoa học - công nghệ đang đặt ra những yêu cầu mới đối với hoạt động đào tạo luật trình độ đại học đang đứng trước nhiều thách thức như: yêu cầu chuyển đổi số, bùng nổ tri thức pháp lý, sự thay đổi nhanh chóng của pháp luật, nhu cầu của thị trường lao động đối với kỹ năng số và tư duy pháp lý mới. Bài viết này phân tích những vấn đề đặt ra đối với công tác đào tạo luật trình độ đại học trong kỷ nguyên số, đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm đổi mới công tác đào tạo theo hướng hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực pháp lý chất lượng cao trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia.

Từ khóa: đào tạo luật trình độ đại học, kỷ nguyên số, chuyển đổi số, đổi mới phương pháp, bảo đảm chất lượng

I. Đặt vấn đề

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và tiến trình chuyển đổi số quốc gia đang tác động sâu rộng đến mọi hoạt động của đời sống xã hội, trong đó có lĩnh vực pháp luật và đào tạo pháp lý (OECD, 2021). Các yêu cầu mới về năng lực pháp lý, khả năng làm việc trong môi trường số, phân tích dữ liệu và ứng dụng công nghệ trong hoạt động pháp lý đang đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với các cơ sở giáo dục đại học có đào tạo Luật trình độ đại học. Tuy nhiên, thực

tế hiện nay cho thấy hoạt động đào tạo Luật ở nhiều trường đại học vẫn còn hạn chế: chương trình chậm cập nhật, phương pháp giảng dạy nặng lý thuyết, ứng dụng công nghệ chưa đồng bộ, hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp còn ít, và năng lực số của người dạy - người học chưa cao (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2023). Điều này khiến việc đổi mới công tác đào tạo trở thành nhiệm vụ trọng tâm, cấp thiết. Bài viết nhằm đề xuất một số giải pháp cụ thể, có tính khả thi nhằm đổi mới đào tạo luật trình độ đại học trong bối cảnh kỷ nguyên số.

¹ Trường Đại học Công đoàn

II. Cơ sở lý thuyết

2.1. Khái niệm đổi mới công tác đào tạo ngành Luật trong kỷ nguyên số

Đổi mới công tác đào tạo luật trình độ đại học trong kỷ nguyên số được hiểu là quá trình cải tiến toàn diện, có hệ thống và liên tục đối với mục tiêu, nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy, hình thức đánh giá và mô hình quản trị đào tạo nhằm đáp ứng những yêu cầu mới của hệ thống pháp luật và thị trường lao động trong bối cảnh chuyển đổi số. Khái niệm này phản ánh sự dịch chuyển từ mô hình đào tạo truyền thống, vốn nặng về truyền thụ kiến thức và giảng dạy theo lối thuyết trình, sang mô hình đào tạo chú trọng phát triển năng lực pháp lý số, năng lực thích ứng công nghệ và khả năng hành nghề trong môi trường pháp lý số hóa. Đổi mới công tác đào tạo không chỉ dừng ở việc bổ sung các học phần về pháp luật công nghệ hay kỹ năng sử dụng cơ sở dữ liệu số mà còn đòi hỏi tái thiết kế cấu trúc chương trình theo hướng tích hợp - liên ngành, đảm bảo sinh viên được trang bị các năng lực cốt lõi như phân tích dữ liệu pháp luật, xử lý chứng cứ điện tử, vận dụng công nghệ trong tư vấn - tranh tụng, đánh giá rủi ro pháp lý phát sinh từ hoạt động số hóa và làm việc hiệu quả trên các nền tảng trực tuyến. Đồng thời, đổi mới trong kỷ nguyên số cũng bao hàm việc ứng dụng các công nghệ giáo dục mới như mô phỏng pháp lý, lớp học số, tòa án ảo, phần mềm mô phỏng tranh tụng, hệ thống quản lý học tập (LMS) thông minh nhằm tạo ra môi trường đào tạo hiện đại, tương tác và gắn với thực tiễn hành nghề. Việc đổi mới còn thể hiện ở sự chuyển dịch từ đánh giá dựa trên kiểm tra lý thuyết sang đánh giá dựa trên năng lực, thông qua các sản phẩm số, hồ sơ điện tử, dự án pháp lý

hoặc phân tích vụ việc trong môi trường số (World Bank, 2020).

2.2. Những yếu tố tác động đến đào tạo ngành Luật trong thời đại số

Trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ trên toàn cầu, đào tạo đại học nói chung và đào tạo ngành Luật nói riêng đang chịu sự tác động đa chiều từ nhiều yếu tố có tính chất cơ cấu, công nghệ, xã hội và nghề nghiệp. Có thể nhận diện một số nhóm yếu tố tác động chủ yếu như sau:

Thứ nhất, tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và sự phát triển của công nghệ số. Yếu tố có ảnh hưởng lớn nhất đến đào tạo luật trong giai đoạn hiện nay chính là sự bùng nổ của các công nghệ nền tảng như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây (Cloud Computing), Blockchain, Internet vạn vật (IoT) và tự động hóa. Những công nghệ này đang làm thay đổi không chỉ nền kinh tế - xã hội, mà còn làm biến đổi cách thức xây dựng, vận hành và thực thi pháp luật. Trong lĩnh vực pháp lý, sự xuất hiện của công nghệ pháp lý (LegalTech) như phần mềm phân tích án lệ, phần mềm hỗ trợ lập hợp đồng thông minh, trí tuệ nhân tạo dự báo xu hướng xét xử, chatbot tư vấn pháp luật... đang tái định nghĩa cách thức hành nghề của luật sư, thẩm phán và chuyên viên pháp lý (OECD, 2021). Điều này buộc hoạt động đào tạo luật phải trang bị cho sinh viên năng lực sử dụng các công nghệ mới, kỹ năng xử lý dữ liệu pháp lý, hiểu biết về cơ chế vận hành của các hệ thống công nghệ tác động đến pháp luật. Chính vì vậy, các cơ sở đào tạo buộc phải tích hợp nội dung công nghệ vào chương trình đào tạo truyền thống vốn mang nặng tính lý thuyết.

Thứ hai, sự thay đổi về thể chế, hệ thống pháp luật và yêu cầu cải cách tư pháp - hành chính. Chuyển đổi số quốc gia đang kéo theo sự thay đổi mạnh mẽ của hệ thống pháp luật và phương thức quản trị công. Việc triển khai Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và công dân số dẫn đến nhiều đạo luật, nghị định và chính sách mới đòi hỏi đội ngũ cử nhân Luật phải có khả năng thích ứng và cập nhật nhanh. Các văn bản pháp luật về dữ liệu cá nhân, an ninh mạng, định danh điện tử, giao dịch điện tử, thương mại điện tử, chứng cứ điện tử... đều yêu cầu kiến thức mới mà chương trình đào tạo truyền thống chưa phản ánh đầy đủ. Do đó, đòi hỏi đào tạo ngành Luật phải được đổi mới theo hướng: cập nhật nhanh sự thay đổi của pháp luật số; tăng cường các môn học về pháp luật công nghệ; nâng cao năng lực phân tích và đánh giá tác động của các quy định mới (Bộ Tư pháp, 2022).

Thứ ba, sự dịch chuyển của nhu cầu thị trường lao động đối với nguồn nhân lực pháp lý. Thị trường lao động pháp lý đang thay đổi theo hướng đòi hỏi nguồn nhân lực có khả năng làm việc trong môi trường số hóa và có tư duy pháp lý thích ứng với các mô hình kinh doanh mới. Các doanh nghiệp công nghệ, công ty tài chính - ngân hàng, sàn thương mại điện tử, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ số đều có nhu cầu tuyển dụng pháp chế có hiểu biết sâu về công nghệ và các rủi ro pháp lý số. Sinh viên ngành Luật hiện nay không chỉ cần nắm vững kiến thức pháp lý truyền thống, mà còn phải: có khả năng phân tích dữ liệu lớn phục vụ đánh giá rủi ro pháp lý; hiểu biết về hợp đồng điện tử, tài sản số, tiền mã hóa; nắm bắt nhanh xu hướng pháp lý của nền kinh tế số; sử dụng thành thạo các công cụ số trong tư vấn pháp luật. Do đó, chương trình đào tạo cần dịch

chuyển trọng tâm từ việc dạy “kiến thức pháp luật thuần túy” sang phát triển năng lực làm việc trong môi trường pháp lý số.

Thứ tư, năng lực và sự sẵn sàng chuyển đổi số của đội ngũ giảng viên. Đội ngũ giảng viên chuyên môn về Luật là yếu tố quyết định chất lượng đào tạo. Tuy nhiên, nhiều giảng viên chưa được trang bị đầy đủ về kỹ năng số trong giảng dạy, khả năng thiết kế bài giảng số và học liệu điện tử còn hạn chế, kỹ năng khai thác cơ sở dữ liệu pháp luật số chưa đồng đều (Nguyễn, 2022). Điều này ảnh hưởng lớn đến quá trình đổi mới đào tạo. Chỉ khi giảng viên làm chủ được công nghệ, hiểu rõ tác động của kỷ nguyên số đến nghề luật, thì việc đổi mới chương trình và phương pháp giảng dạy mới đạt hiệu quả.

Để đào tạo hiệu quả trong thời đại số, các trường luật cần: hệ thống quản lý học tập (LMS) hiệu quả; thư viện số và học liệu mở; phòng xử án mô phỏng, phòng học thông minh; đường truyền internet ổn định; hệ thống dữ liệu pháp luật số đầy đủ; phần mềm mô phỏng vụ án, tranh tụng, tư vấn pháp lý. Tuy nhiên, hiện nay không phải cơ sở giáo dục đại học nào cũng đáp ứng được những yêu cầu này, dẫn đến mức độ sẵn sàng chuyển đổi số khác nhau.

2.3. Tiếp cận đào tạo dựa trên năng lực số

Tiếp cận đào tạo dựa trên năng lực số là một xu hướng tất yếu trong công tác đào tạo luật trình độ đại học. Điều này đòi hỏi các cơ sở giáo dục đại học phải chuyển dịch mạnh mẽ từ mô hình đào tạo truyền thống sang mô hình đào tạo dựa trên năng lực số (digital competency-based education). Tiếp cận này không chỉ dừng lại ở việc bổ sung một số học phần liên quan đến công nghệ, mà đòi hỏi tái cấu trúc toàn diện mục tiêu, nội dung,

phương pháp, hình thức đánh giá và hệ sinh thái học tập nhằm bảo đảm sinh viên Luật được trang bị đầy đủ các năng lực cốt lõi để làm việc hiệu quả trong môi trường pháp lý số hóa (Nguyễn, 2022).

Trước hết, đào tạo dựa trên năng lực số được hiểu là mô hình giáo dục tập trung vào việc phát triển các năng lực cần thiết để người học có thể vận hành, thích ứng và sáng tạo trong môi trường số. Đối với công tác đào tạo Luật, năng lực số không đơn thuần là kỹ năng sử dụng máy tính hay ứng dụng văn phòng, mà bao gồm một hệ thống năng lực phức hợp, bao gồm: năng lực truy cập và phân tích dữ liệu pháp luật số; năng lực đánh giá nguồn thông tin số; năng lực sử dụng công nghệ trong tư vấn, tranh tụng và soạn thảo văn bản pháp lý; năng lực tham gia quy trình tố tụng điện tử; và năng lực đánh giá rủi ro pháp lý phát sinh từ hoạt động số hóa. Khi triển khai đào tạo dựa trên năng lực số, các trường luật không chỉ dạy sinh viên “biết” công nghệ mà còn giúp họ “vận dụng” công nghệ vào bối cảnh nghề nghiệp cụ thể.

Thứ hai, để thực hiện mô hình này, việc xác định bộ năng lực số đầu ra là nhiệm vụ mang tính chiến lược. Bộ năng lực này cần dựa trên chuẩn năng lực số quốc gia, các khung năng lực quốc tế (như DigComp của EU), đồng thời phản ánh đặc thù của lĩnh vực pháp lý. Năng lực số của cử nhân Luật có thể bao gồm: năng lực sử dụng thành thạo các cơ sở dữ liệu pháp luật; năng lực thu thập, xử lý và phân tích thông tin pháp lý trong môi trường số; năng lực sử dụng công nghệ hỗ trợ công việc pháp lý như phân tích hồ sơ điện tử, trình bày chứng cứ số, lập hợp đồng điện tử; năng lực đảm bảo an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân; năng lực giao tiếp, tư vấn và tranh tụng trong môi trường trực

tuyến và năng lực tư duy phản biện và đạo đức số khi vận dụng công nghệ trong hành nghề luật. Việc xác định rõ các nhóm năng lực số giúp cơ sở đào tạo xây dựng chuẩn đầu ra minh bạch, phù hợp yêu cầu của thị trường lao động pháp lý hiện đại.

Thứ ba, tiếp cận đào tạo dựa trên năng lực số đòi hỏi đổi mới chương trình và nội dung đào tạo theo hướng tích hợp và liên ngành. Điều này bao gồm việc đưa vào chương trình các học phần liên quan đến pháp luật và công nghệ như Luật an ninh mạng, Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân, Pháp luật về giao dịch điện tử, Fintech và pháp lý số, Chứng cứ điện tử, Trí tuệ nhân tạo và quyền riêng tư. Bên cạnh đó, nội dung các học phần luật truyền thống cũng cần được “số hóa”, chẳng hạn: trong môn Luật Hình sự phải cập nhật các hành vi phạm tội sử dụng công nghệ cao; trong môn Luật Dân sự phải bổ sung nội dung về tài sản số, hợp đồng điện tử; trong môn Luật Tố tụng phải đưa vào nội dung về thu thập, đánh giá chứng cứ điện tử và xét xử trực tuyến. Đây là những nội dung giúp sinh viên không chỉ nắm vững pháp luật mà còn hiểu cách pháp luật vận hành trong bối cảnh số hóa toàn diện.

Thứ tư, phương pháp giảng dạy trong tiếp cận đào tạo dựa trên năng lực số phải được đổi mới theo hướng tăng cường tính tương tác, trải nghiệm và thực hành nghề nghiệp số. Nếu như giảng dạy truyền thống chủ yếu sử dụng phương pháp thuyết giảng (lecture-based), thì đào tạo theo năng lực số yêu cầu áp dụng các phương pháp như học qua dự án pháp lý số (digital project-based learning), học qua mô phỏng (simulation-based training), học qua tình huống pháp lý số (e-case method), hoặc thực hành tại “tòa án ảo”, “phòng xử án mô phỏng”,

mô hình “moot court trực tuyến”. Những phương pháp này giúp sinh viên rèn luyện khả năng xử lý tình huống pháp lý phát sinh từ môi trường số, qua đó hình thành năng lực hành nghề hiện đại và đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Do vậy, giảng viên cần phải được đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng số, phương pháp sư phạm số, công nghệ giáo dục và các kiến thức pháp lý liên quan đến chuyển đổi số. Họ phải đóng vai trò là người hướng dẫn, hỗ trợ và tạo điều kiện cho sinh viên phát triển năng lực, thay vì là người truyền đạt kiến thức thuần túy.

Thứ năm, việc đổi mới hình thức đánh giá là yếu tố then chốt trong đào tạo dựa trên năng lực số. Khác với hình thức thi viết truyền thống, mô hình này coi trọng đánh giá năng lực thông qua sản phẩm số và các hoạt động thực hành. Ví dụ: sinh viên nộp hồ sơ pháp lý điện tử (e-portfolio), soạn thảo hợp đồng điện tử, trình bày bài biện hộ trực tuyến, phân tích một vụ án sử dụng chứng cứ số, thực hiện dự án đánh giá rủi ro pháp lý cho một doanh nghiệp hoạt động trên nền tảng số. Các bài đánh giá này phản ánh chính xác hơn năng lực của người học trong bối cảnh hành nghề hiện đại.

Thứ sáu, để đào tạo dựa trên năng lực số đạt hiệu quả, các cơ sở đào tạo cần xây dựng hệ sinh thái hỗ trợ học tập số, bao gồm: hệ thống quản lý học tập (LMS) thông minh, thư viện số, học liệu mở, phòng học thông minh, môi trường pháp lý mô phỏng, phần mềm mô phỏng tranh tụng và các nền tảng trao đổi trực tuyến giữa giảng viên - sinh viên. Đây là cơ sở cần thiết để triển khai các phương pháp giảng dạy tiên tiến và đánh giá năng lực số một cách hiệu quả.

III. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng các phương pháp nghiên cứu như: Phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp từ các tài liệu khoa học, báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, báo cáo chuyển đổi số quốc gia, các nghiên cứu về đào tạo pháp lý; Phương pháp phân tích - tổng hợp nhằm hệ thống hóa các vấn đề đặt ra và rút trích các nhóm giải pháp phù hợp; ngoài ra bài viết còn sử dụng phương pháp đối chiếu - so sánh thông qua việc tham khảo kinh nghiệm quốc tế về đào tạo luật trong kỷ nguyên số.

IV. Kết quả và thảo luận

Công tác đào tạo luật trình độ đại học trong bối cảnh kỷ nguyên số đang trải qua quá trình chuyển đổi mạnh mẽ cả về mô hình, nội dung, phương pháp, phương tiện và cách thức đánh giá kết quả học tập. Trên cơ sở nghiên cứu các chương trình đào tạo luật của một số trường đại học có thể nhận thấy rằng phần lớn các cơ sở đào tạo đã bắt đầu triển khai các định hướng đổi mới theo tinh thần chuyển đổi số, nhưng mức độ sẵn sàng và hiệu quả thực thi còn rất khác nhau. Một số trường đã bước đầu xây dựng hệ sinh thái đào tạo số tương đối hoàn thiện, bao gồm hệ thống quản lý học tập (LMS), thư viện số, học liệu điện tử, phòng xử án mô phỏng, lớp học tích hợp công nghệ, học phần về pháp luật số và kỹ năng pháp lý số; trong khi đó, nhiều cơ sở khác mới chỉ dừng ở khâu thử nghiệm, bổ sung rời rạc hoặc lồng ghép các nội dung đổi mới nhưng chưa theo cấu trúc hệ thống (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2023). Điều này phản ánh sự khác biệt về nguồn lực, chiến lược phát triển và trình độ công nghệ giữa các trường, từ đó ảnh hưởng lớn đến chất lượng và tính đồng đều của đào tạo cử nhân Luật trong phạm vi toàn quốc.

Việc xây dựng chuẩn đầu ra về năng lực số là điểm nhấn quan trọng và là xu hướng tất yếu trong đào tạo cử nhân Luật. Ở những trường đã sớm đưa chuẩn đầu ra năng lực số vào chương trình, chương trình đào tạo có tính hiện đại và tính khả dụng cao hơn, giúp sinh viên hiểu rõ các năng lực cần đạt, đồng thời thúc đẩy nhà trường thiết kế nội dung và phương pháp giảng dạy phù hợp. Nhiều chương trình đã bổ sung các năng lực liên quan đến việc sử dụng cơ sở dữ liệu pháp luật số, phân tích dữ liệu trong lĩnh vực pháp lý, nhận diện rủi ro pháp lý từ môi trường số, soạn thảo - ký kết - quản trị hợp đồng điện tử, đánh giá chứng cứ điện tử trong tố tụng, tham gia quy trình xét xử trực tuyến hoặc tích hợp công nghệ vào các kỹ năng hành nghề như tư vấn pháp luật, hòa giải, trọng tài. Tuy nhiên, vẫn còn khá nhiều chương trình vẫn còn chưa xác định và lượng hóa được các mức độ năng lực số, dẫn đến chuẩn đầu ra chưa cụ thể, khó đánh giá và khó triển khai nhất quán (Nguyễn, 2022). Điều này đòi hỏi các cơ sở đào tạo phải tiếp tục hoàn thiện khung năng lực số chuẩn hóa, dựa trên các khung năng lực quốc gia và quốc tế, đồng thời xây dựng hệ thống minh chứng và phương pháp đánh giá phù hợp với đặc thù ngành Luật.

Về nội dung chương trình đào tạo, hầu hết các trường đã bắt đầu cập nhật các môn học liên quan đến pháp luật và công nghệ như Luật an ninh mạng, Bảo vệ dữ liệu cá nhân, Giao dịch điện tử, Thương mại điện tử, Pháp luật về chuyển đổi số... Tuy vậy, mức độ cập nhật giữa các trường chưa đồng đều. Một số trường tiên phong đã thiết kế học phần chuyên sâu, thậm chí xây dựng các mô-đun thực hành gắn với hệ thống phần mềm pháp lý hiện đại. Trong khi đó, một số trường khác chỉ dừng lại ở việc bổ sung vài buổi học hoặc lồng ghép

nội dung số vào môn học truyền thống mà chưa tái thiết kế chương trình theo hướng tích hợp - liên ngành theo năng lực. Điều này dẫn tới tình trạng “thiếu đồng bộ”: sinh viên có thể được học về các khái niệm pháp luật số mới, nhưng lại thiếu cơ hội thực hành hoặc tiếp cận các công nghệ đang được sử dụng thực tế trong ngành nghề. Đây là rào cản lớn đối với việc phát triển năng lực nghề nghiệp trong bối cảnh số hóa toàn diện. Để đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên số và thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của môi trường pháp lý - công nghệ, công tác đào tạo ngành Luật cần được đổi mới một cách toàn diện, đồng bộ và có lộ trình chiến lược, cụ thể:

Trước hết, các cơ sở đào tạo phải ưu tiên xây dựng và chuẩn hóa bộ chuẩn đầu ra về năng lực số dành cho cử nhân luật. Chuẩn đầu ra phải phản ánh được những yêu cầu mới của thị trường lao động pháp lý, bao gồm: khả năng sử dụng các cơ sở dữ liệu pháp luật số, kỹ năng xử lý chứng cứ điện tử, năng lực phân tích dữ liệu phục vụ hoạt động tư vấn - tranh tụng, kỹ năng vận hành các phần mềm mô phỏng pháp lý, khả năng đánh giá rủi ro pháp lý trong môi trường số và năng lực giao tiếp - hành nghề thông qua nền tảng trực tuyến. Khi chuẩn đầu ra được cụ thể hóa, các trường đại học sẽ có căn cứ để thiết kế chương trình đào tạo, lựa chọn phương pháp giảng dạy và xây dựng các tiêu chí đánh giá phù hợp, đảm bảo sinh viên tốt nghiệp có đủ năng lực làm việc trong môi trường pháp lý số hóa.

Thứ hai, cần đổi mới chương trình đào tạo theo hướng tích hợp và liên ngành. Trong đó các nội dung liên quan đến pháp luật và công nghệ phải được tăng cường về số lượng, tối ưu về cấu trúc và cập nhật liên tục theo thay đổi của

môi trường pháp lý số. Chỉ khi chương trình đào tạo phản ánh đúng thực tiễn số hóa của hệ thống pháp luật thì sinh viên mới có đủ năng lực để xử lý các vấn đề phát sinh trong nghề nghiệp.

Thứ ba, cần đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tăng cường tính thực hành, trải nghiệm và ứng dụng công nghệ. Các phương pháp dạy học hiện đại như học qua dự án (project-based learning), học qua tình huống pháp lý số (digital case method), học qua mô phỏng (simulation-based training), phòng xử án mô phỏng, tranh tụng trực tuyến (online moot court) và thực hành tư vấn pháp luật bằng nền tảng số phải được triển khai rộng rãi. Các cơ sở đào tạo cần đầu tư xây dựng hệ thống mô phỏng nghề nghiệp như “tòa án ảo”, “viện kiểm sát ảo”, “văn phòng luật sư ảo” để sinh viên có cơ hội luyện tập các kỹ năng hành nghề trong môi trường pháp lý số hóa. Đồng thời, giảng viên phải được đào tạo để sử dụng thành thạo các công cụ hỗ trợ như phần mềm phân tích hồ sơ, phần mềm quản trị hợp đồng điện tử, phần mềm trích xuất dữ liệu pháp luật và các nền tảng quản lý vụ việc.

Thứ tư, các cơ sở giáo dục đại học đào tạo ngành luật cần tập trung đổi mới hoạt động kiểm tra - đánh giá theo hướng đánh giá năng lực số. Điều này đòi hỏi chuyển từ hình thức thi viết truyền thống sang các phương pháp đánh giá thực chất hơn như: hồ sơ học tập điện tử (e-portfolio), bài tập mô phỏng vụ án (legal simulation), phân tích chứng cứ điện tử, xây dựng hợp đồng số, đánh giá rủi ro pháp lý thông qua dữ liệu thực tế, trình bày lập luận trên môi trường trực tuyến và làm dự án pháp lý theo nhóm. Những hình thức đánh giá này phản ánh đúng hơn năng lực người học, đồng thời

giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng hành nghề trong môi trường số - điều mà hình thức thi viết truyền thống khó đáp ứng.

Một giải pháp mang tính nền tảng khác là *tăng cường bồi dưỡng năng lực số cho đội ngũ giảng viên ngành Luật*, bởi giảng viên là nhân tố quyết định hiệu quả đổi mới. Các cơ sở đào tạo phải tổ chức các khóa học đào tạo kỹ năng số, kỹ năng sử dụng phần mềm pháp lý, kỹ năng thiết kế bài giảng số, phương pháp sư phạm số, kỹ năng phân tích dữ liệu và ứng dụng công nghệ trong nghiên cứu pháp luật. Ngoài ra, cần khuyến khích giảng viên tham gia các diễn đàn học thuật quốc tế để cập nhật xu hướng pháp luật - công nghệ mới, từ đó nâng cao năng lực giảng dạy và nghiên cứu trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Cuối cùng, để các giải pháp trên được triển khai hiệu quả, *các cơ sở giáo dục đại học có đào tạo ngành luật cần xây dựng hệ sinh thái đào tạo số hoàn chỉnh*, bao gồm hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, hệ thống quản lý học tập thông minh (LMS), thư viện số, kho học liệu mở, phòng xử án mô phỏng, trung tâm thực hành pháp luật, và các nền tảng hỗ trợ trao đổi trực tuyến. Nhà trường phải có chiến lược đầu tư dài hạn, đồng thời tăng cường hợp tác với các cơ quan tư pháp, doanh nghiệp công nghệ, công ty luật, viện nghiên cứu để xây dựng mô hình đào tạo gắn với thực tiễn số hóa. Sự phối hợp giữa nhà trường - nhà nước - doanh nghiệp sẽ tạo ra mạng lưới hỗ trợ mạnh mẽ giúp sinh viên ngành Luật được thực hành trong môi trường nghề nghiệp hiện đại, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường lao động pháp lý.

V. Kết luận

Đào tạo luật trình độ đại học trong kỷ nguyên số cần một hướng tiếp cận mới, kết hợp hài hòa giữa nền tảng kiến thức

pháp lý truyền thống với năng lực số và tư duy pháp lý hiện đại. Các giải pháp đề xuất trong bài - từ đổi mới chương trình, phương pháp giảng dạy, tăng cường ứng dụng công nghệ, phát triển học liệu số, nâng cao năng lực giảng viên đến bảo đảm chất lượng - nếu được triển khai đồng bộ sẽ góp phần đào tạo đội ngũ cử nhân Luật đáp ứng yêu cầu hội nhập, chuyển đổi số và phát triển quốc gia.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2023). *Báo cáo chuyển đổi số trong giáo dục đại học*.
- [2]. Bộ Tư pháp. (2022). *Báo cáo cải cách tư pháp và chuyển đổi số ngành Tư pháp*.
- [3]. Luru, M. S., & Lê, H. N. (2022). Legal popularization and legal education for community models through clinical legal education - practice at law schools in Southern Vietnam. *VNUHCM Journal of Economics - Law and Management*, 6(1), 2184-2191. DOI: <https://doi.org/10.32508/stdjelm.v6i1.862>.
- [4]. Nguyễn, T. H. (2022). Some Requirements to Guarantee the Quality of Legal Education in the Digital Transformation Era in Vietnam. *VNU Journal of Science Legal Studies*, 38(4), DOI:10.25073/2588-1167/vnuls.4447.
- [5]. OECD. (2021). *Legal Education in the Digital Era*.
- [6]. World Bank. (2020). *Digital Skills for Future Jobs*.

SOME SOLUTIONS TO INNOVATE UNDERGRADUATE LEGAL EDUCATION IN THE DIGITAL ERA IN VIETNAM TODAY

Nguyen Huy Khoa¹

Abstract: *In the context of the digital era, the rapid development of science and technology is posing new requirements for undergraduate legal education. Currently, undergraduate legal education is facing numerous challenges, including the demands of digital transformation, the explosion of legal knowledge, the rapid changes in laws and regulations, and the labor market's growing demand for digital skills and new forms of legal thinking. This article analyzes the challenges confronting undergraduate legal education in the digital era and proposes several solutions to modernize legal education, thereby meeting the requirements for developing high-quality legal human resources in the context of national digital transformation.*

Keywords: *undergraduate legal education, digital era, digital transformation, innovation in teaching methods, quality assurance*

¹ Trade Union University